

Bản án số: 36 /2018 DS-ST

Ngày: 06/11/2018

*" Tranh chấp bồi thường thiệt hại
về tài sản"*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Khánh.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khiêng Sóc.

2. Ông Mai Văn Tài.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Minh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:* Ông Chau Pho Ly.

Ngày 06/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án tranh chấp dân sự thụ lý số: 146/2017/TLST- DS ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc “ *Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2018/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Néang S, sinh năm 1945; địa chỉ: Tổ 9, ấp L, xã A, huyện T, tỉnh An Giang;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lương Minh H là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước, tỉnh An Giang;

Bị đơn: Ông Chau O, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 8, ấp L, xã A, huyện T, tỉnh An Giang;

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Chau S1, sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ 3, ấp L, xã A, huyện T, tỉnh An Giang,

Người phiên dịch: Ông Chau O1, địa chỉ: Ấp L, xã L1, huyện T, An Giang.

Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 10 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, nguyên đơn Neáng S trình bày:

Nguyên vào ngày 17/7/2017 khoảng 14 giờ ông Chau O tự ý qua vườn cau nhà bà thuê người chặt hạ 07 cây cau khi chưa được sự đồng ý của bà, bà cho rằng vườn cau bà có từ bao đời nay, khi đó căn nhà ông Chau O mới xây dựng khoảng năm 2015, vườn cau và căn nhà ông Chau O còn cách một tường rào cao khoảng 02 mét, nếu cây cau vườn bà có ngã thì chỉ ngã lên tường rào ông Chau O chứ không thể ngã đến lam cửa sổ nhà như ông Chau O đã trình bày.

Bà thừa nhận có cây cau chết khô có ngã lên tường rào ông Chau O sau đó ông Chau O có qua nhà bà báo cây cau ngã đè lên tường rào, bà có đến xem và nói với ông O bà sẽ chặt hạ 01 cây cau và kêu ông S1 lại cửa nhưng ông S1 nói bận nên bà chưa báo lại cho ông O biết. Việc ông Chau O tự ý kêu người cửa hạ 07 cây thì có 01 cây bà có đồng ý cho ông O cửa hạ nên bà không tranh chấp. Nay bà yêu cầu ông Chau O bồi thường thiệt hại 06 cây cau trị giá mỗi cây 700.000 đồng/cây tổng trị giá là 4.200.000 đồng. Đối với việc ông O cho rằng bà đồng ý cho ông O chặt hết cây là bà không đồng ý, bởi vì vườn cau là tài sản, là nguồn thu nhập chính của bà.

Sau các phiên hoà giải không thành bà Neáng S có đơn yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá để xác định giá và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Theo kết quả định giá ngày 15/8/2018 giá mỗi cây cau là 345.000đồng x 06 cây = 2.070.000đồng. Nay bà yêu cầu ông Chau O bồi thường cho bà số tiền 2.070.000 đồng.

Ngày 16/10/2018 bà Neáng S có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và tại phiên Tòa bà Neáng S xác định yêu cầu như sau: Theo đơn khởi kiện ngày 23/10/2017 do chưa biết giá trị thực của cây cau, nên bà yêu cầu ông Chau O bồi thường 07 cây cau số tiền 10.500.000 đồng, qua các lần Tòa án hoà giải bà có yêu cầu ông Chau O bồi thường 06 cây cau số tiền 4.900.000 đồng. Nay căn cứ kết quả định giá 15/8/2018 của Hội đồng định giá 06 cây cau số tiền 2.070.000 đồng, nên bà Neáng S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông Chau o bồi thường cho bà số tiền 2.070.000 đồng.

Ngoài ra bà Neáng S yêu cầu Tòa án xem xét trả lại cho bà số tiền mà bà đã tạm ứng thanh toán chi phí thẩm định, định giá là 500.000 đồng vì nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá là thuộc về ông Chau O.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Lương Minh H trình bày: Ông Thống nhất với lời trình bày của bà Neáng Sinh, yêu cầu Tòa án buộc ông Chau O bồi thường thiệt hại 06 cây cau mà ông Chau O tự ý kêu người cửa hạ và thống nhất với kết quả định giá 15/8/2018 giá mỗi cây cau là 345.000đồng x 06 cây = 2.070.000đồng và đề nghị Tòa án xem xét buộc ông Chau O nộp tiền chi phí Thẩm định, định giá để hoàn trả cho bà Neáng S số tiền 500.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ông Chau Ône ngày 05 tháng 12 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án và²tại phiên Tòa bị đơn trình bày:

Khoảng tháng 7 năm 2017 thời điểm đó bão số 5 đến giông gió mạnh làm ngã đổ 01 cây cau chết khô lên tường rào nhà ông, làm mẻ nứt xi măng lam cửa sổ, ông có đến nhà gặp trực tiếp bà Neáng S báo có 01 cây cau đổ ngã lên tường rào nhà ông và sau đó bà S có đến nhà ông xem cây cau ngã và nói sẽ kêu người đến khiên cây ngã và ông có xin bà Neáng S cưa hạ các cây còn lại có khả năng đổ ngã nhưng không nói rõ là bao nhiêu cây và được bà S đồng ý.

Khoảng 14 giờ ngày 17/7/2017 ông có điện thoại kêu ông Chau S1 đến vườn cau nhà bà Neáng S cưa hạ 07 cây cau có khả năng đổ ngã, số tiền công ông trả cho ông Chau S1 là 150.000 đồng. Nay bà S cho rằng chỉ cho ông cưa hạ 01 cây cau và yêu cầu bồi thường thiệt hại cho 06 cây cau trị giá mỗi cây 700.000 đồng/cây nên tổng trị giá là 4.200.000 đồng là ông không đồng bởi vì khi cưa hạ ông được sự đồng ý của bà Neáng S.

Tại phiên Toà bà Neáng S yêu cầu ông bồi thường theo kết quả định giá 15/8/2018 giá mỗi cây cau là 345.000đồng x 06 cây = 2.070.000đồng và đề nghị Toà án xem xét buộc ông nộp tiền chi phí định giá để hoàn trả cho bà Neáng S số tiền 500.000 đồng là ông không đồng ý.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/8/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Chau S1 trình bày: Ông và bà Neáng S và ông Chau O không có bà con họ hàng gì, chỉ là người cùng xã An Tức, huyện Tri Tôn do đó quen biết nhau, nghề nghiệp chính của ông là hạ cây thuê, cho bà con trong xóm, ai kêu hạ cây thì ông đi hạ. Khoảng tháng 7 năm 2017 lúc đó 12 giờ trưa ông Chau O có điện thoại cho ông kêu đến nhà ông Chau O hạ cây cau, đến khoảng 30 phút sau ông đến nhà ông Chau O, ông O chỉ ông hạ 7 cây cau của bà Neáng S, ông Chau O nói với ông rằng bà Neáng S cho phép ông hạ. Thời điểm ông hạ 07 cây cau không có mặt của bà Neáng S, số tiền ông Chau O trả công cho ông hạ 07 cây cau là 150.000 đồng.

Ông là người đi làm thuê, không có thời gian có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, ông xin vắng mặt khi toà án mời phiên họp công bố chứng cứ hoà giải, đối chất và xét xử.

Phát biểu của Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- *Thẩm phán:* Chấp hành đúng các qui định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo qui định tại các Điều 35, 68, 97, 98, 101, 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên thời hạn giải quyết án trễ hạn xét xử theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thời hạn gửi văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát, tổng đạt cho đương sự đúng quy định

- *Hội đồng xét xử:* Đảm bảo đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- *Người tham gia tố tụng:* Nguyên³ đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa

vụ liên quan, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Neáng S buộc ông Chau O bồi thường thiệt hại số tiền 2.070.000 đồng, ông Chau O có trách nhiệm hoàn trả cho bà Neáng S 500.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ, định giá và án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng.

Tại phiên tòa các bên vẫn giữ nguyên yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Neáng Sinh khởi kiện tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản, ông Chau O cư trú: địa chỉ: Tổ 8, ấp L, xã A, huyện T, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 26, 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Chau S1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông S1 theo qui định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung:*

Theo đơn khởi kiện bà Neáng S yêu cầu ông Chau O bồi thường thiệt hại tài sản 07 cây cau trị giá 10.500.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, bà Neáng S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông bồi thường thiệt hại 06 cây cau trị giá 2.070.000 đồng. Yêu cầu này của bà Neáng S là hoàn toàn tự nguyện, đây là sự định đoạt của đương sự và phù hợp pháp luật được quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Neáng S buộc bị đơn ông Chau O bồi thường thiệt hại 06 cây cau do ông Chau O tự ý kêu người cưa hạ số tiền 2.070.000 đồng và hoàn trả chi phí định giá 500.000 đồng.

Theo kết quả định giá 15/8/2018 giá mỗi cây cau là 345.000 đồng x 06 cây = 2.070.000 đồng; nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà Neáng S là có căn cứ và phù hợp tại Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 cần xem xét chấp nhận buộc ông Chau O bồi thường thiệt hại 06 cây cau bị cưa hạ số tiền 2.070.000 đồng.

Xét lời trình bày của bị đơn ông Chau O: Cho rằng trước khi kêu ông Chau S1 cưa hạ 07 cây cau, ông được sự đồng ý cho phép của bà Neáng S, qua các lần hoà giải cũng như tại phiên Tòa bà Neáng S không thừa nhận cho ông Chau O cưa hạ, do đó Hội đồng xét xử xét⁴ thấy không có cơ chấp nhận.

Xét đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Chau S1: Ông S1 được ông Chau O thuê trực tiếp cưa hạ 07 cây cau của bà Neáng S, theo sự chỉ dẫn của ông Chau O và được ông Chau O trả công số tiền 150.000 đồng, do đó ông Chau S1 không phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại tài sản cho bà Neáng S, và đồng thời bà Neáng S cũng không có yêu cầu, do vậy Hội đồng xét xử cũng không đặc ra xem xét.

[3] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn bà Neáng S có đơn yêu cầu định giá tài sản 06 cây cau, bà Neáng S đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng định giá tài sản số tiền 500.000 đồng. Do yêu cầu của bà Neáng S được chấp nhận. Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc “xử lý tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản” buộc ông Chau O phải hoàn trả cho bà Neáng S số tiền trên là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà Neáng S được Toà án chấp nhận nên buộc ông Chau O phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng các Điều 584, 585 và Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 166, 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Neáng S về việc yêu cầu ông Chau O bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 8.430.000 đồng (*tám triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng*).

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Neáng Sinh .

Buộc ông Chau O bồi thường thiệt hại tài sản 06 cây cau số tiền 2.070.000 đồng (*hai triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng*).

Chi phí thẩm định tại chỗ, định giá 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) ông Chau Ône phải chịu, bà Neáng S đã dự nộp chi phí thẩm định, định giá 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*) nên ông Chau O phải hoàn trả cho bà Neáng Sinh số tiền 500.000 đồng (*năm trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Chau O phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

Bà Neáng S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền: 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số: TU/2015/0018145 của Chi cục thi hành án huyện Tri Tôn.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh AnGiang;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Văn Khánh